TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 323/2025/QĐST-LĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Nguyễn Thị Thụy.

***Thư ký phiên họp*:** ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 442/2025/TLST-LĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 282/2025/QĐST-VLĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: bà Lê Thị L, sinh năm 1997; thường trú: số D, thôn C, xã H, tỉnh Thanh Hóa, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị N, sinh năm 2001; thường trú: thôn Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH V; địa chỉ: số A, khu C, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt;

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Bảo hiểm xã hội Thành phố H; địa chỉ: đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Dương Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo uỷ quyền; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Tại đơn yêu cầu và lời khai trong quá trình tố tụng người yêu cầu bà Lê Thị L trình bày:

Từ tháng 5/2018 đến tháng 7/2019 bà Lê Thị L làm việc tại Công ty TNHH G

và có đóng bảo hiểm xã hội. Bà T1 tiến hành làm thủ tục bảo hiểm thì bên cơ quan bảo hiểm rà soát và phát hiện bảo hiểm xã hội của bà L bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm xã hội: bà L cho bà Lê Thị Ngọc M thông tin cá nhân để làm hồ sơ lao động và giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH V thời gian từ 5/2018 đến tháng 7/2019, có tham gia bảo hiểm xã hội.

Vì vậy, nay bà L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị L (thực tế là bà Lê Thị N làm việc) với Công ty TNHH V bị vô hiệu. Không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH V:

Đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của bà Lê Thị L thì Công ty không có ý kiến.

- Tại bản tự khai người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N trình bày:

Do bà N chưa đủ tuổi lao động nên bà N có mượn hồ sơ và thông tin cá nhân của bà L để làm hồ sơ lao động. Sau đó, bà N giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH V thời gian từ 5/2018 đến tháng 7/2019 thì bà N nghỉ việc.

Nay, bà L yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lệ Thị L1 (thực tế là bà Lê Thị N làm việc) với Công ty TNHH V bị vô hiệu thì bà N đồng ý. Không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Tại bản tự khai người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH V cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Lê Thị L, sinh năm 1997, số CCCD 038197008422, với mã số BHXH 7416303001 từ tháng 5/2018 đến tháng 7/2019. Ngoài ra, bà L còn tham gia BHXH với mã số 3816052537. Đối với yêu cầu của đương sự đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ việc dân sự đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: yêu cầu của bà Lê Thị L là có căn cứ, đề nghị Toà án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được

thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: người yêu cầu giải quyết việc lao động và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp đồng thời có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 7/2019, người lao động Lê Thị L giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH V và được Công ty TNHH V, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội 7416303001. Tuy nhiên, bà Lê Thị L xác định người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH V và thực tế làm việc là bà Lê Thị Ngọc . Đồng thời, bà Lê Thị N cũng xác nhận điều này.

Xét thấy, lời khai của các đương sự phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở D. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 7/2019, bà L đang làm việc tại công ty khác và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 3816052537. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH V trong khoảng thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 7/2019 là bà N, không phải là bà L. Việc bà N lấy thông tin của bà L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH V là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 7 Bộ luật Lao động năm 2012. Do đó, bà L yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị L (thực tế bà Lê Thị N làm việc) với Công ty TNHH V bị vô hiệu là có căn cứ.

[2.2] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị L với Công ty TNHH V theo sổ bảo hiểm xã hội số 7416303001 bị vô hiệu. Đương sự có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7416303001.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 7 của Bộ luật Lao động năm 2012; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Lê Thị Lệ .1

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị L với Công ty TNHH V (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7416303001) bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0047605 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu :VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thụy